

Số: 5159/TB-STC

Khánh Hoà, ngày 11 tháng 12 năm 2013

## THÔNG BÁO

**Về việc điều chỉnh giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm tài nguyên là khoáng sản không kim loại và bổ sung giá tính thuế tài nguyên đối với hải sản tự nhiên trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa**

Căn cứ Quyết định số 17/2012/QĐ-UBND ngày 19/4/2012 của UBND tỉnh về việc Quy định giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Sở Tài chính đã theo dõi sự biến động về giá và tổ chức lấy ý kiến của các Sở, ngành liên quan gồm Cục Thuế, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương, Sở Xây dựng và UBND các huyện, thị xã, thành phố về việc điều chỉnh giá tính thuế tài nguyên đối với các loại các loại khoáng sản và bổ sung một số mặt hàng hải sản tự nhiên vào Bảng giá tính thuế tài nguyên.

Trên cơ sở ý kiến thống nhất của các Sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố; theo ủy quyền quy định tại Điều 3 Quyết định số 17/2012/QĐ-UBND, Sở Tài chính thông báo điều chỉnh giá tính thuế tài nguyên đối với các loại các loại khoáng sản và bổ sung một số mặt hàng hải sản tự nhiên vào Bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa như sau:

STT	Nhóm, loại tài nguyên	Đơn vị tính	Đơn giá tính thuế
	<b>Điều chỉnh giá tính thuế tài nguyên đối với khoáng sản không kim loại</b>		
1	Cát rửa Thủy Triều	Đồng/tấn	109.000
2	Cát tuyển rửa Thủy Triều	Đồng/tấn	125.000
3	Cát hạt to	Đồng/tấn	125.000
4	Cát nguyên khai Đầm Môn	Đồng/tấn	70.000
5	Cát tuyển rửa Đầm Môn	Đồng/tấn	150.000
6	Cát xây dựng	Đồng/m <sup>3</sup>	45.000
7	Cát san lấp mặt bằng	Đồng/m <sup>3</sup>	31.000
8	Đất Bazan	Đồng/m <sup>3</sup>	15.000
9	Đất làm gạch	Đồng/m <sup>3</sup>	55.000
10	Đất san lấp mặt bằng	Đồng/m <sup>3</sup>	23.000
11	San hô chết	Đồng/tấn	31.000

12	Đá khối xây dựng cao cấp (đá khối granit ốp lát)	Đồng/m <sup>3</sup>	1.600.000
13	Đá khối xây dựng cao cấp quy cách	Đồng/m <sup>3</sup>	2.000.000
14	Đá chẻ 20x20x25	Đồng/m <sup>3</sup>	270.000
15	Đá vi	Đồng/m <sup>3</sup>	90.000
16	Đá 1x2	Đồng/m <sup>3</sup>	178.000
17	Đá 2x4	Đồng/m <sup>3</sup>	150.000
18	Đá 3x8	Đồng/m <sup>3</sup>	218.000
19	Đá 4x6	Đồng/m <sup>3</sup>	127.000
20	Đá 5x7	Đồng/m <sup>3</sup>	118.000
21	Đá cấp phối 25	Đồng/m <sup>3</sup>	109.000
22	Đá cấp phối 37,5	Đồng/m <sup>3</sup>	104.000
23	Đá mi	Đồng/m <sup>3</sup>	137.000
24	Đá học	Đồng/m <sup>3</sup>	91.000
25	Đá phối	Đồng/m <sup>3</sup>	73.000
26	Đá bụi	Đồng/m <sup>3</sup>	75.000
27	Đá lô ka	Đồng/m <sup>3</sup>	95.000
28	Sạn, sỏi	Đồng/m <sup>3</sup>	170.000
29	Đá cuội lớn	Đồng/m <sup>3</sup>	115.000
30	Đá cuội 4x6	Đồng/m <sup>3</sup>	140.000
31	Bùn khoáng thô	Đồng/tấn	1.200.000
32	Sa khoáng đen (titan)	Đồng/tấn	1.000.000
<b>Bổ sung giá tính thuế tài nguyên đối với hải sản tự nhiên</b>			
1	Tôm hùm loại 1	Đồng/kg	800.000
2	Tôm hùm các loại khác	Đồng/kg	350.000
3	Tôm các loại	Đồng/kg	110.000
4	Mực các loại	Đồng/kg	90.000

Mức giá tính thuế tài nguyên đối với các loại khoáng sản và hải sản tự nhiên theo thông báo này thực hiện từ tháng 12/2013.

Sở Tài chính thông báo để cơ quan thuế thực hiện theo quy định. *Nguyễn Xuân Long*

Nơi nhận: *th*

- Cục Thuế KH;
- Chi cục Thuế các huyện, TX, TP;
- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Lưu: VT, VGCS (Hàng).



GIÁM ĐỐC *Nguyễn Xuân Long*

Nguyễn Xuân Long<sup>2</sup>